**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 21/5/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy***

***- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thỏa***

***Ông Nguyễn Văn Giang***

***- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.***

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 16/4/2019 đối với các bị cáo:

**1. Phùng Văn H**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 17 tháng 6 năm 1966 tại C, Bắc Kạn

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn V và bà Hứa Thị L (đã chết); có vợ là Triệu Thị E và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

**2. Hứa Văn N**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1978, tại C, Bắc Kạn

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Hứa Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị T; có vợ là Nông Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

**3. Liêu Đình H1**; Tên gọi khác: Liêu Đình D.

Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1982, tại C, Bắc Kạn

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đình H và bà Nông Thị N; có vợ là Nông Thị Y và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự**: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện theo pháp luật là ông Nông Quốc D – Chủ tịch UBND huyện B.

Đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn K - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện B theo giấy ủy quyền số 1272/UBND-NC ngày 29/10/2018.

Vắng mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn dân sự**:

- Anh Văn Tiến B, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Anh Đặng Minh T, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã Đ, huyện B, vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/01/2018, Công an huyện B nhận được báo cáo từ Công an xã Đ về việc trong thời gian gần đây có một số đối tượng thường xuyên lên khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B khai thác lâm sản trái pháp luật. Sau khi nhận được báo cáo, Công an huyện B lập tổ công tác phối hợp với chính quyền xã Đ tiến hành tuần tra, kiểm tra tại khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ về tình hình khai thác lâm sản trái pháp luật. Ngày

12/01/2018, Tổ công tác phát hiện 02 đối tượng đang nằm trong 01 lán, yêu cầu 02 đối tượng xuất trình giấy tờ tùy thân nhưng không xuất trình được giấy tờ gì. Các đối tượng đã khai nhận tên Hứa Văn N, sinh năm 1978, trú tại thôn K, xã P, huyện C, Bắc Kạn và Văn Tiến B, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Mục đích các đối tượng lên khu rừng L để vận chuyển gỗ về nhà, do trước đó các đối tượng đã xẻ được một số hộp gỗ Xoan Mộc tại khu rừng trên. Tổ công tác lập biên bản sự việc và yêu cầu 02 (hai) đối tượng về UBND xã Đ, huyện B để làm việc.

Quá trình điều tra xác minh: Do nhu cầu lấy gỗ về sử dụng và để bán nên Hứa Văn N, Phùng Văn H cùng trú tại thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Văn Tiến B, trú tại thôn N, xã P, huyện C và Liêu Đình H1, trú tại thôn N, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cưa đổ 02 cây gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) và 01 nhánh của cây gỗ Kẹn (nhóm V) tại khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

Tháng 7/2017, Đặng Minh T, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã Đ, huyện B đi lên khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ tìm cây dược liệu để làm thuốc, khi lên đến rừng T nhìn thấy 01 cây gỗ Xoan Mộc to, thẳng, còn sống, lá còn xanh. Khoảng tháng 9/2017, T đi chợ xã P, huyện C thì gặp và được Hứa Văn N mời vào nhà N uống nước. Sau đó, H gọi N và T lên nhà H uống bia. Trong khi nói chuyện H hỏi T là: *"Đi rừng trong Đ thấy có còn cây gỗ Dầm (còn gọi là gỗ Xoan Mộc) to có thể khai thác về để dùng và bán được không?"*. T bảo: *"Có một cây gỗ Dầm to, xẻ được nhưng hơi xa"*. Sau đó, H với N bảo T lúc nào dẫn H và N đi lên chỉ cây gỗ đó để H và N khai thác, H và N hứa sẽ trả tiền công cho T, T đồng ý.

Tháng 10/2017, H, N rủ H1 cùng đến nhà T để T đưa đi xem cây. T dẫn H, N, H1 đi lên khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B để chỉ vị trí cây gỗ Xoan Mộc. Trong khi đi lên vị trí cây gỗ Xoan Mộc, H, N, H1 và T nhìn thấy 01 cây gỗ Xoan Mộc khác bé hơn ở cách đường đi khoảng 2 mét, xem xong thấy có thể khai thác lấy gỗ được nên H, N và H1 bảo nhau khai thác cây gỗ Xoan Mộc bé hơn trước vì ở tiện đường và gần hơn; T tiếp tục dẫn H, N, H1 lên tận gốc cây và chỉ cây gỗ Xoan Mộc cho H, N và H1 biết. Sau khi T chỉ cây gỗ Xoan Mộc cho H, N, H1 xong thì cả bốn người cùng đi về nhà. H, N và H1 bàn nhau rủ thêm B đi khai thác gỗ Xoan Mộc và cả 04 người (H, N, H1 và B) cùng nhau thống nhất mỗi người góp 1.000.000đ *(một triệu đồng)* để mua cưa máy và xăng nhớt để cùng nhau đi khai thác gỗ Xoan Mộc. Sau đó N, H1 và B cùng nhau đi đến cửa hàng bán máy nông nghiệp mua một chiếc cưa máy với giá 3.700.000 đồng *(ba triệu bảy trăm nghìn đồng)*, và 300.000 đồng mua xăng, nhớt.

Đến tháng 11/2017, N, H1, B và H cùng nhau mang theo cưa máy, xăng nhớt đi bộ đến khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, khi lên đến nơi thì trời đã tối nên H, N, H1 và B ngủ lại ở một lán gần đó. Sáng hôm sau, H, N, H1 và B lên gốc cây gỗ Xoan Mộc nhỏ hơn và H1 trực tiếp dùng cưa máy cưa đổ 01 cây gỗ Xoan Mộc (cây số 01). Sau khi cưa đổ cây gỗ, cả 04 người thay nhau cắt được 02 khúc, mỗi khúc dài 1,90m xẻ được 10 thanh (hộp) gỗ đều dài rộng, dày khoảng 45cm, sau đó H, N, H1 và B cùng nhau dựng các thanh gỗ lên cho khô rồi đi về nhà.

Khoảng 3 đến 4 ngày sau H, N, H1 và B tiếp tục đi lên xẻ thêm 03 lần nữa. Tổng cộng xẻ 04 lần được 04 khúc (2 khúc dài 1,9m và 2 khúc dài 2,7m), xẻ được tổng cộng 25 thanh (hộp) gỗ nhiều loại, có kích thước khác nhau dài từ 0,6m đến 2,7m; rộng từ 13 đến 45cm; dày từ 6 đến 13cm, trong đó 03 thanh (hộp) để tại hiện trường có kích thước dài, rộng, dày là (1,17m x 45cm x 10cm; 1,85m x 45cm x 6cm; 1,73m x 14cm x 10cm), còn 22 thanh (hộp) H, N, H1 và B vận chuyển mang về nhà, cụ thể:

H lấy về nhà được 06 thanh (hộp) ngày 01/3/2018, H đã tự giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

B lấy về nhà được 07 thanh (hộp), trong đó: 02 thanh (hộp) B đã tự giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B; 01 thanh (hộp) bị mất; còn 04 thanh (hộp) B đã bán cho một người đàn ông lạ mặt, B không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu được số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

N lấy về nhà được 04 thanh (hộp) trong đó: 02 thanh (hộp) N đã tự giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện B; còn 02 thanh (hộp) N đã bán cho một người đàn ông lạ mặt, N không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu được số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

H1 lấy về nhà được 05 thanh (hộp), trong đó: 01 thanh (hộp) H1 để phía sau nhà nhưng đã bị mất; còn 04 thanh (hộp) H1 đã bán cho một người đàn ông lạ mặt H1 không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu được số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Đến tháng 12/2017, Văn Tiến B nói với H, H1, N là bận công việc cá nhân nhưng thực ra B không có việc bận mà do trước đó đã khai thác 01 cây gỗ trái phép nên B sợ không dám tham gia cùng nên chỉ có H1, N, H lên khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B để khai thác cây gỗ Xoan Mộc mà T đã chỉ (cây Xoan mộc số 2), khi lên đến nơi H1 trực tiếp cầm cưa máy cưa đổ cây gỗ Xoan Mộc số 02 thì có một nhánh của cây

gỗ Kẹn gần đó bị gãy đổ theo do cây gỗ Xoan Mộc số 2 đổ đè vào. Sau khi cưa đổ cây gỗ số 2, N, H1, H về nhà vì cây gỗ này bị đổ xuống lòng khe nên khó xẻ.

Khoảng một tuần sau H, H1, N và B lên khai thác xẻ, từ hôm đó cho đến ngày 12/01/2018 (ngày bị cơ quan Công an phát hiện lập biên bản) thì N, H1, B và H xẻ được 02 buổi được 02 khúc dài 3,0 m được tổng cộng 16 hộp trong đó 08 hộp dài khoảng 2,7m; rộng, dày 13cm và 08 hộp dài khoảng 2,7m; rộng, dày khoảng 13cm x 10cm, mỗi người mang về nhà được 01 hộp. 04 hộp gỗ mà H, N, H1, B mang về nhà đã tự giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B, còn lại 12 hộp trong đó có 06 hộp dài khoảng 2,7cm; rộng dày khoảng 13cm và 06 hộp dài khoảng 2,7m rộng, dày khoảng 13 x 10cm được H, N, H1 và B cất giấu ở gần lán trên rừng nhưng đã bị mất.

Ngày 23/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với 02 cây gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) có tổng khối lượng 16,069$m^3$ (trong đó cây số 01 có khối lượng 5,745 $m^3$, cây số 2 có khối lượng 10,324 $m^3$) và 01 nhánh cây gỗ Kẹn (nhóm V) có khối lượng 0,802$m^3$. 02 cây gỗ Xoan Mộc và 01 nhánh cây gỗ Kẹn đều thuộc khoảnh 3, tiểu khu 370 khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2007 của tỉnh Bắc Kạn là rừng phòng hộ do UBND huyện B quản lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: Tại thời điểm tháng 11/2017 đến tháng 12/2017.

- 03 (ba) cây gỗ có tổng khối lượng 16,871 $m^3$, trong đó 02 (hai) cây gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) có khối lượng 16,069 $m^3$ và 01 (một) cây gỗ Kẹn ( nhóm V) có khối lượng 0,802 $m^3$, cụ thể như sau:

**Cây số 1:** Gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) có khối lượng là 5,745 $m^3$ có giá trị: 5,745$m^3$ x 2.750.000,đ = 15.798.750,đ, trong đó

- Khối lượng gỗ còn tại hiện trường ( đã quy tròn) là 1,995 $m^3$ có giá trị: 1,995 $m^3$ x 2.750.000,đ = 5.486.250,đ, trong đó

+ Khối lượng gỗ tròn còn tại hiện trường là 1,830 $m^3$ có giá trị: 1,830 $m^3$ x 2.750.000,đ = 5.032.500,đ

+ Khối lượng gỗ xẻ còn để tại hiện trường là 0,104 $m^3$ (quy tròn 0,165$m^3$) có giá trị: 0,165 $m^3$ x 2.750.000,đ = 453.750,đ

- Khối lượng gỗ đã bị lấy khỏi hiện trường là 3,750 $m^3$ (đã quy tròn) có giá trị: 3,750$m^3$ x 2.750.000,đ = 10.312.500,đ trong đó:

+ Khối lượng gỗ đã bị xẻ và lấy ra khỏi hiện trường nhưng đã thu hồi được là 0,393 $m^3$ gỗ xẻ (quy tròn 0,628 $m^3$) có giá trị: 0,628 $m^3$ x 2.750.000,đ = 1.727.000,đ

+ Khối lượng gỗ đã bị xẻ và lấy ra khỏi hiện trường nhưng không thu hồi được là 3,122 $m^3$ (quy tròn) có giá trị: 3,122$m^3$ x 2.750.000,đ = 8.585.500,đ

**Cây số 2:** Gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) có khối lượng là 10,324 $m^3$ có giá trị: 10,324 $m^3$ x 2.750.000,đ = 28.391.000,đ trong đó:

- Khối lượng gỗ còn tại hiện trường (đã quy tròn) là 7,67425$m^3$ có giá trị: 7,67425 $m^3$ x 2.750.000,đ = 21.104.188,đ

- Khối lượng gỗ đã bị lấy khỏi hiện trường là 2,64975 $m^3$ (đã quy tròn) có giá trị: 2,64975 $m^3$ x 2.750.000,đ = 7.286.812,đ trong đó:

+ Khối lượng gỗ xẻ và lấy ra khỏi hiện trường nhưng đã thu hồi được là 0,160 $m^3$ gỗ xẻ (quy tròn 0,256 $m^3$) có giá trị: 0,256 $m^3$ x 2.750.000,đ = 704.000,đ

+ Khối lượng gỗ xẻ và lấy ra khỏi hiện trường nhưng không thu hồi được là 2,39375 $m^3$ (quy tròn) có giá trị: 2,39375 $m^3$ x 2.750.000,đ = 6.582.812,đ

**Cây số 3:** Gỗ kẹn (nhóm V) có khối lượng là 0,802 $m^3$, trong đó:

- Khối lượng gỗ còn tại hiện trường (gỗ tròn) là 0,802 $m^3$ có giá trị: 0,802$m^3$ x 2.500.000,đ = 2.005.000,đ

- Tổng về giá của tài sản: **46.194.750,đ** *(Bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng ).*

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-BT ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Phùng Văn H, Hứa Văn N và Liêu Đình H1 (tức Liêu Đình D) tội: "*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175/ BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

**** Điều luật có nội dung:***

*" 1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án*

*tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có các hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;*

*b).....……*

*2. ...”*

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20; Điều 60/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện C,, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60/BLHS

Xử phạt bị cáo Hứa Văn Nhiếp từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện C,, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60/BLHS.

Xử phạt bị cáo Liêu Đình H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 175/BLHS. Phạt mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589/BLDS. Buộc các bị cáo và bị đơn dân sự bồi thường thiệt hại cho Nguyên đơn dân sự tổng số tiền 15.168.312 đồng, cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường là 3.792.078 đồng và bị đơn dân sự phải bồi thường là 3.792.078 đồng

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS 1999; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Số gỗ còn tại hiện trường có tổng khối lượng là 10,47125m$^3$. Trong đó số gỗ tròn của 02 cây gỗ Xoan Mộc còn tại hiện trường là 9,50425m$^3$, số gỗ tròn của 01 nhánh cây

gỗ Kẹn có khối lượng là 0,802m$^3$, số gỗ Xoan Mộc xẻ còn tại hiện trường là 0,104m$^3$ (quy tròn 0,165 m$^3$). Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả cho UBND huyện B.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

+ Số lượng gỗ Xoan Mộc Cơ quan CSĐT thu giữ được 14 hộp có tổng khối lượng 0,553m$^3$ (quy tròn 0,884). Trong đó tạm giữ của Phùng Văn H là 07 hộp có khối lượng 0,243m$^3$. Hứa Văn N là 03 hộp có khối lượng 0,133m$^3$. Liêu Đình H1 là 01 hộp có khối lượng có khối lượng 0,044m$^3$ và Văn Tiến B là 03 hộp có khối lượng 0,133m$^3$.

+ 01 (Một) Cưa máy màu đỏ gạch nhãn hiệu HUSQVARANA do H, N, H1 và B góp tiền mua để sử dụng khai thác gỗ trái pháp luật.

- 12 hộp gỗ xẻ do H, N, H1, B cất giấu để trên rừng bị mất do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện không thu giữ được.

- Số gỗ các đối tượng lấy ra khỏi hiện trường đã bán và bị mất gồm: Hứa Văn N bán 02 hộp gỗ xẻ, Liêu Đình H1 bán 04 hộp gỗ xẻ và bị mất 01 hộp gỗ xẻ, Văn Tiến B bán 04 hộp gỗ xẻ và bị mất 01 hộp gỗ xẻ. Do N, H1, B bán cho người lạ mặt, không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện không thu giữ được.

- Tạm giữ: Số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Hứa Văn N tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08639 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Phùng Văn H tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08638 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Liêu Đình H1 tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08640 ngày 22/11/2018 để bảo đảm thi hành án cho các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn dân sự thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 14, điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn dân sự.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và xin được hưởng án treo.Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí các bị cáo thi hành theo quy định.

Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo và bị đơn dân sự bồi thường số gỗ đã lấy ra khỏi hiện trường và không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản.

Bị đơn dân sự khẳng định chỉ được cùng H, H1, N khai thác 01 cây gỗ Xoan Mộc (Cây số 01) và 02 khúc gỗ Xoan Mộc (Cây số 02). Bị đơn dân sự nhất trí bồi thường cho nguyên đơn dân sự theo quy định, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phùng Văn H, Hứa Văn N nói lời sau cùng mong HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất. Bị cáo Liêu Đình H1 không nói lời sau cùng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Do cần tiền để chi tiêu và cần gỗ sử dụng cho gia đình nên trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, Phùng Văn H, Hứa Văn N và Liêu Đình H1 đã bàn bạc rủ nhau cùng góp tiền để mua 01 chiếc cưa máy (Cưa lốc) cùng xăng và nhớt để đi khai thác gỗ tại khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tại đây H1 trực tiếp dùng cưa máy cắt đổ 02 cây gỗ Xoan Mộc thuộc nhóm VI, khi cắt cây Xoan Mộc thứ hai đổ thì có 01 nhánh cây gỗ Kẹn thuộc nhóm V gần đó bị gãy đổ theo. Tổng khối lượng của 03 cây gỗ là 16,871$m^3$; Trong đó: cây gỗ Xoan Mộc số 01 có khối lượng 5,745 $m^3$, cây Xoan Mộc số 2 có khối lượng 10,324 $m^3$) và 01 nhánh cây gỗ Kẹn có khối lượng 0,802$m^3$. Vị trí 03 cây gỗ bị khai thác đều thuộc khoảnh 3, tiểu khu 370 khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2007 của tỉnh Bắc Kạn là rừng phòng hộ do UBND huyện B quản lý.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT ngày 08/3/2007 của Bộ NN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thấy việc truy tố, xét xử các bị cáo Phùng Văn H, Hứa Văn N, Liêu Đình H1 về tội: "*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175/ BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến rừng phòng hộ, tổn hại đến môi trường, làm mất trật tự an ninh ở địa phương vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Phùng Văn H có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự . Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; Bị cáo đã nộp một khoản tiền là 1.000.000$^{đ}$ tại Chi cục Thi hành án dân sự vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,h,p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Phùng Văn V được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất, huân chương kháng chiến hạng nhất, huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, huân chương chiến thắng hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS.

- Bị cáo Hứa Văn N: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; Bị cáo đã nộp một khoản tiền là 1.000.000$^{đ}$ tại Chi cục Thi hành án dân sự vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Hứa Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS.

- Bị cáo Liêu Đình H1 có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; Bị cáo đã nộp một khoản tiền là 1.000.000$^{đ}$ tại Chi cục Thi hành án dân sự vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại", bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Liêu Đình H2 được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này các bị cáo Phùng Văn H, Hứa Văn N, Liêu Đình H1 cùng bàn bạc thống nhất việc đi khai thác gỗ trái phép với mục đích để đem về sử dụng và bán, hành vi của các bị can thực hiện là tự phát, không có sự phân công vai trò của từng bị cáo nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét thấy các bị cáo khai thác trái phép gỗ với mục đích thương mại và để phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống gia đình. Các bị cáo Phùng Văn H, Liêu Đình H1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 60/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Hứa Văn N năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Bắc Kạn xử phạt 9 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Ngày 26/11/2014 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày phạm tội vụ án này đã được xóa án tích. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 60/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

[4]. Trong vụ án này còn có các đối tượng liên quan cụ thể:

Đối với Văn Tiến B sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là người đã góp tiền để mua chiếc cưa máy cùng xăng, nhớt để cùng tham gia đi khai thác gỗ với Phùng Văn H, Hứa Văn N, Liêu Đình H1 tại khu rừng L, thôn B, xã Đ. Quá trình điều tra xác định Văn Tiến B tham gia khai thác trái phép gồm 01 cây gỗ Xoan Mộc (cây số 01) có khối lượng 5,745m$^3$ và 02 khúc cây gỗ Xoan Mộc ở (cây số 2) có khối lượng 3,533m$^3$; Tổng khối lượng gỗ mà B tham gia khai thác là 9,278m$^3$ gỗ Xoan Mộc (nhóm VI) thuộc rừng phòng hộ. Khi góp tiền mua cưa B không biết việc sẽ đi khai thác 2 cây gỗ Xoan Mộc. Mục đích góp tiền mua cưa là để dùng trong sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Hành vi của B là vi phạm pháp luật tuy nhiên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển hồ sơ để xử lý vi phạm hành chính. Tại Quyết định số 31/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt hành chính đối với Văn Tiến B về hành vi khai thác rừng trái phép.

Đối với Đặng Minh T, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, là người đã chỉ 01 cây gỗ Xoan Mộc (cây số 2) có khối lượng 10,324m$^3$ tại khu rừng L thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, cho Phùng Văn H, Hứa Văn N và Liêu Đình H1, hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý.

Đối với các người đã mua gỗ với N, H1, B, theo lời khai của N, H1, B là bán cho người đàn ông lạ mặt không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện không có căn cứ để điều tra, xác minh xử lý.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Đại diện của Nguyên đơn dân sự có yêu cầu các bị cáo và các bị đơn dân sự phải bồi thường thiệt hại đối với số gỗ bị lấy ra khỏi hiện trường không thu hồi được gồm: Số gỗ Xoan Mộc không thu hồi được là: 5,51575 $m^3$ (quy tròn) x 2.750.000,đ = 15.168.312đ (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm mười hai đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy thiệt hại thực tế xảy ra nên Nguyên đơn dân sự yêu cầu bồi thường là hợp lý, do đó áp dụng Điều 42/BLHS 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589/BLDS chấp nhận yêu cầu của đại diện Nguyên đơn dân sự buộc các bị cáo và bị đơn dân sự liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự, cụ thể:

- Bị cáo Phùng Văn H có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

-Bị cáo Hứa Văn N có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

- Bị cáo Liêu Đình H1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

- Anh Văn Tiến B có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

[6]. *Về vật chứng:*Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Số gỗ còn tại hiện trường có tổng khối lượng là 10,47125$m^3$. Trong đó số gỗ tròn của 02 cây gỗ Xoan Mộc còn tại hiện trường là 9,50425$m^3$, số gỗ tròn của 01 nhánh cây gỗ Kẹn có khối lượng là 0,802$m^3$, số gỗ Xoan Mộc xẻ còn tại hiện trường là 0,104$m^3$ (quy tròn 0,165 $m^3$). Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả cho UBND huyện B.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

+ Số lượng gỗ Xoan Mộc Cơ quan CSĐT thu giữ được 14 hộp có tổng khối lượng 0,553$m^3$ (quy tròn 0,884). Trong đó tạm giữ của Phùng Văn H là 07 hộp có khối lượng 0,243$m^3$. Hứa Văn N là 03 hộp có khối lượng 0,133$m^3$. Liêu Đình H1 là 01 hộp có khối lượng có khối lượng 0,044$m^3$ và Văn Tiến B là 03 hộp có khối lượng 0,133$m^3$.

+ 01 (Một) Cưa máy màu đỏ gạch nhãn hiệu HUSQVARANA do H, N, H1 và B góp tiền mua để sử dụng khai thác gỗ trái pháp luật, cũ đã qua sử dụng (có lam và xích).

- 12 hộp gỗ xẻ do H, N, H1, B cất giấu để trên rừng bị mất do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện không thu giữ được.

- Số gỗ các đối tượng lấy ra khỏi hiện trường đã bán và bị mất gồm: Hứa Văn N bán 02 hộp gỗ xẻ, Liêu Đình H1 bán 04 hộp gỗ xẻ và bị mất 01 hộp gỗ xẻ, Văn Tiến B bán 04 hộp gỗ xẻ và bị mất 01 hộp gỗ xẻ. Do N, H1, B bán cho người lạ mặt, không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện không thu giữ được.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000$^{đ}$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Hứa Văn N tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08639 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^{đ}$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Phùng Văn H tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08638 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^{đ}$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Liêu Đình H1 tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08640 ngày 22/11/2018 để bảo đảm thi hành án cho các bị cáo.

[7]. *Hình phạt bổ sung:* Các bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Bị đơn dân sự thuộc diện hộ nghèo và có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí. Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 14, điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn dân sự

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**** Tuyên bố:*** Các bị cáo Phùng Văn H, Hứa Văn N, Liêu Đình H1 (tức Liêu Đình D) đều phạm tội *" Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng".*

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60/BLHS.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn N 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60/BLHS.

Xử phạt bị cáo Liêu Đình H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.*

* *Về hình phạt bổ sung:* Phạt mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589/BLDS.

Buộc các bị cáo và bị đơn dân sự phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tổng số 15.168.312đ (*Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

- Bị cáo Phùng Văn H có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

- Bị cáo Hứa Văn N có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

- Bị cáo Liêu Đình H1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

- Anh Văn Tiến B có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.792.078đ (Ba triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng);

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

* *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu, hóa giá, sung công quỹ Nhà nước:

+ Số lượng gỗ Xoan Mộc Cơ quan CSĐT thu giữ được 14 hộp có tổng khối lượng 0,553$m^3$ (quy tròn 0,884). Trong đó tạm giữ của Phùng Văn H là 07 hộp có khối lượng 0,243$m^3$. Hứa Văn N là 03 hộp có khối lượng 0,133$m^3$. Liêu Đình H1 là 01 hộp có khối lượng có khối lượng 0,044$m^3$ và Văn Tiến B là 03 hộp có khối lượng 0,133$m^3$.

+ 01 (Một) Cưa máy màu đỏ gạch nhãn hiệu HUSQVARANA do H, N, H1 và B góp tiền mua để sử dụng khai thác gỗ trái pháp luật, cũ đã qua sử dụng (có lam và xích).

- Tạm giữ số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Hứa Văn N tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08639 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Phùng Văn H tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08638 ngày 22/11/2018; số tiền 1.000.000$^đ$ (*Một triệu đồng*) do bị cáo Liêu Đình H1 tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08640 ngày 22/11/2018 để bảo đảm thi hành án cho các bị cáo.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phùng Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Hứa Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Liêu Đình H1 phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 14, điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bị đơn dân sự Văn Tiến B được miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Các bị cáo, bị đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

***Nơi nhận:***
- VKSND H. B 1;
- VKSND T. Bắc Kạn 1;
- CA H. B 2;
- Bị cáo 3;
- Nguyên đơn dân sự 1;
- Bị đơn dân sự 1
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lý Thị Thúy**